

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2021.

V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Minh Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Ông Phạm Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Ngọc H, sinh năm 2002 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm Vĩnh Trung, Phường 3, thị xã NN, tỉnh ST.

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Hoàng S, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc H (gọi tắt là chị H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2020, tôi và anh Lưu Hoàng S được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó đến tháng 5/2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh S có 01 con chung tên Lưu Trịnh Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 15/11/2020. Cháu T hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lưu Hoàng S đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh S cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh S. Tại phiên tòa anh S vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Lưu Hoàng S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ngọc H, cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Lưu Hoàng S; Tiếp tục giao cháu Lưu Trịnh Ngọc Tố T cho chị H nuôi dưỡng; Anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Tố T do chị H chưa yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí buộc chị H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Lưu Hoàng S. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn Lưu Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lưu Hoàng S nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với quan hệ hôn nhân, chị H và anh S tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị H và anh S được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị H cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh S không thể hàn gắn, chị H không còn tình cảm đối với anh S và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị H và anh S thể hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa và đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, thời gian ly thân kéo dài nhưng anh chị không thể tự hàn gắn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị H và anh S nhiều lần để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh S thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị H và anh S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị H yêu cầu xin ly hôn với anh S là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Cho chị H và anh S được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh S có 01 con chung tên Lưu Trịnh Ngọc Tố T (nữ), sinh ngày 15/11/2020. Cháu Tố T hiện đang sống chung với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu Tố T. Xét thấy, từ khi chị H và anh S ly thân

cho đến nay, cháu Tô T sống chung với chị H, được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu Tô T có giới tính là nữ. Hơn nữa, cháu Tô T chưa tròn 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu Tô T nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Tô T cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Tô T do chị H chưa yêu cầu. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị H khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị H khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ngọc H đối với anh Lưu Hoàng S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Lưu Hoàng S.

2. Về con chung: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lưu Trịnh Ngọc Tổ T (nữ), sinh ngày 15/11/2020, hiện nay cháu Tổ T đang sống chung với chị H. Về cấp dưỡng: Anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H chưa yêu cầu. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh S không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo lai thu số 0001995 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Xà Phiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Tiếp